

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 3 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600104526 ngày 29/5/2019 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lưu Văn Kính	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Công Hoan	Thành viên hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Phạm Xuân Rạng	Trưởng ban
Ông Trần Huy Long	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Quảng	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Tiến Thành, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.
- Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019 và 2020 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 đồng của Công ty con này tại ngày 31/12/2020 khi hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 hay không.
- Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh gồm “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên, “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng lên và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 20-02-00569-21-1 ngày 19/3/2020, theo đó Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về giá định hoạt động liên tục (lỗ thuần sau thuế năm 2020 của Công ty là 509.293.659 đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 9.021.069.085 đồng). Ngày 05/12/2021, Hội đồng thành viên Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Ý định này của Hội đồng thành viên đã được ghi lại trong biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty vào ngày 05/12/2017. Tại ngày của Báo cáo này, Hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể

doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể Công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ 3. Tuy nhiên, khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các sự kiện sau:

- Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ;
- Ban giám đốc Công ty phê duyệt sau khi Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; và
- Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của Công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty được lập dựa vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty con này.

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
- Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.434.756.603) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là (569.215.148.610) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là (495.625.433.638) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 513.973.592.820 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề được nêu tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 135B/BCKT/TC ngày 09/4/2020, theo đó Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.764.300.971	163.800.516.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.221.915.765	1.255.078.981
1. Tiền	111		1.221.915.765	1.255.078.981
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.231.541.864	96.515.605.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	115.701.685.676	107.123.302.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.622.401.709	9.219.343.087
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	33.051.209.840	35.305.409.373
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(56.520.439.542)	(56.509.134.277)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	1.376.684.181	1.376.684.181
IV. Hàng tồn kho	140		41.766.612.710	64.134.019.332
1. Hàng tồn kho	141	5.6	41.766.612.710	64.134.019.332
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		544.230.632	1.895.812.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	57.999.998	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.780.888	1.841.363.148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54.449.746	54.449.746
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.164.654.228	219.039.070.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.803.196.477	94.525.278.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.803.196.477	94.525.278.242
- Nguyên giá	222		44.546.403.881	184.866.398.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.743.207.404)	(90.341.119.809)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		135.265.000	135.265.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.265.000)	(135.265.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.078.651.598	122.504.206.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.078.651.598	122.504.206.520
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.280.000.000	4.280.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.280.000.000)	(4.280.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.282.806.153	2.009.585.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.282.806.153	2.009.585.798
TỔNG TÀI SẢN	270		156.928.955.199	382.839.587.094

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		660.749.145.678	742.032.308.798
I. Nợ ngắn hạn	310		660.737.893.791	742.021.056.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	89.991.409.180	100.488.121.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.380.381.603	15.983.077.574
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	15.062.442.738	14.632.610.888
4. Phải trả người lao động	314		6.893.880.131	9.297.751.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	23.313.521.372	17.304.125.296
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	98.965.216.633	100.049.102.383
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	411.040.668.823	484.175.894.169
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		90.373.311	90.373.311
II. Nợ dài hạn	330		11.251.887	11.251.887
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.251.887	11.251.887
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(503.820.190.479)	(359.192.721.704)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(503.820.190.479)	(359.192.721.704)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.520.905.007	7.520.905.007
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		318.809.965	318.809.965
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(569.215.148.610)	(424.846.542.542)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(424.780.392.007)	(376.824.853.982)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(8.194.756.841)	(7.935.894.134)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		156.928.955.199	382.839.587.094



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	99.783.442.091	126.909.379.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.783.442.091	126.909.379.652
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	95.362.349.139	131.256.823.374
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.421.092.952	(4.347.443.722)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	137.187.597	1.227.704.732
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.936.411.252	26.445.058.652
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.907.130.525	21.900.144.031
8. Chi phí bán hàng	25		190.503.051	207.948.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.851.125.789	17.317.285.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.419.759.543)	(47.090.031.484)
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.247.084.239	1.318.270.079
12. Chi phí khác	32	6.6	120.520.944.007	5.210.673.231
13. Lợi nhuận khác	40		(119.273.859.768)	(3.892.403.152)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(258.862.708)	(2.960.746.076)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(28.046)	(9.325)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(28.046)	(9.325)



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo PP gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.401.872.441	7.927.046.208
- Các khoản dự phòng	03		11.305.265	11.619.373.286
- (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá	04		29.280.727	96.078.073
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		114.711.480.649	(404.987.394)
- Chi phí lãi vay	06		18.907.130.525	22.037.019.031
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.632.549.704)	(9.707.905.432)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.317.659.542)	12.526.433.949
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.367.406.622	8.795.317.146
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.496.419.180)	(11.905.953.435)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.331.220.353)	110.524.214
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.587.929.846)	(2.967.377.945)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		66.208.723	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.599.574.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.932.163.280)	(4.748.535.789)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.711.781.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.897.096.000	250.681.818
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.280.000.000)
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.187.597	17.430.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		91.034.283.597	(3.723.669.424)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		62.844.143.724	60.109.576.313
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(135.979.369.070)	(55.241.476.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.135.225.346)	4.868.099.741
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(33.105.029)	(3.604.105.472)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.255.078.981	4.859.307.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		(58.187)	(122.971)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	1.221.915.765	1.255.078.981



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Lilama 3.3	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	79,48%
Công ty cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%

Danh sách các công ty con không được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	103.954.995	35.847.863
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.117.960.770	1.219.231.118
Cộng	1.221.915.765	1.255.078.981

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	111.591.685.676	103.013.302.963
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM	19.276.000.000	19.276.000.000
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11.727.140.689	16.863.299.347
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	9.788.050.031	3.759.978.753
- Khách hàng khác	70.800.494.956	63.114.024.863
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.110.000.000	4.110.000.000
- Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
Cộng	115.701.685.676	107.123.302.963

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	33.051.209.840	(7.926.822.648)	35.305.409.373	(7.976.182.925)
Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	84.203	-	-	-
Phải thu khác	24.639.898.020	(3.522.925.754)	27.411.311.878	(3.560.356.045)
Tạm ứng	8.411.227.617	(4.403.896.894)	7.894.097.495	(4.415.826.880)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.051.209.840	(7.926.822.648)	35.305.409.373	(7.976.182.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.4 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng	45.450.011.457	(45.410.981.274)	45.389.345.915	(45.350.315.732)
- Công ty cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	2.483.932.675	(2.483.932.675)	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Cty Cổ phần LILAMA5	2.772.392.728	(2.772.392.728)	2.772.392.728	(2.772.392.728)
- Đối tượng khác	18.958.525.913	(18.919.495.730)	18.897.860.371	(18.858.830.188)
b. Phải thu khác	8.214.162.448	(7.926.822.648)	8.263.522.725	(7.976.182.925)
- Tạm ứng nhân viên	4.433.896.894	(4.403.896.894)	4.445.826.880	(4.415.826.880)
- Đối tượng khác	3.780.265.554	(3.522.925.754)	3.817.695.845	(3.560.356.045)
b. Trả trước cho người bán	3.182.635.620	(3.182.635.620)	3.182.635.620	(3.182.635.620)
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	2.314.447.483	(2.314.447.483)	2.314.447.483	(2.314.447.483)
Cộng	56.846.809.525	(56.520.439.542)	56.835.504.260	(56.509.134.277)

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản khác		1.376.684.181		1.376.684.181
Cộng	-	1.376.684.181	-	1.376.684.181

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.940.282.409	-	1.789.763.390	-
Công cụ, dụng cụ	33.265.935	-	289.352.424	-
Chi phí SXKD dở dang	39.262.313.117	-	61.866.911.352	-
Hàng hóa	530.751.249	-	187.992.166	-
Cộng	41.766.612.710	-	64.134.019.332	-

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	57.999.998	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.999.998	-
Dài hạn	3.282.806.153	2.009.585.798
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.894.145.346	418.881.849
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	1.039.742.292
- Các khoản khác	388.660.807	550.961.657
Cộng	3.340.806.151	2.009.585.798

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	135.265.000	135.265.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	135.265.000	135.265.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	135.265.000	135.265.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	135.265.000	135.265.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	91.648.188.197	75.741.608.040	16.393.382.980	1.083.218.834	-	184.866.398.051
- Mua trong năm	-	36.800.000	-	-	-	36.800.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(87.902.087.408)	(51.230.193.161)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(140.356.794.170)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>24.548.214.879</u>	<u>15.637.226.850</u>	<u>614.861.363</u>	-	<u>44.546.403.881</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	28.960.610.539	45.209.523.921	15.118.311.583	1.052.673.766	-	90.341.119.809
- Khấu hao trong năm	1.628.631.493	2.662.111.217	184.900.823	9.263.887	-	4.484.907.420
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(26.843.141.243)	(28.015.164.981)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(56.082.819.825)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>19.856.470.157</u>	<u>14.547.056.276</u>	<u>593.580.182</u>	-	<u>38.743.207.404</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	<u>62.687.577.658</u>	<u>30.532.084.119</u>	<u>1.275.071.397</u>	<u>30.545.068</u>	-	<u>94.525.278.242</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>4.691.744.722</u>	<u>1.090.170.574</u>	<u>21.281.181</u>	-	<u>5.803.196.477</u>

(*) Thanh lý tài sản theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/6/2020 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 0608/HĐMB-ĐG ngày 04/9/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.10 Tài sản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc (*)	-	121.600.423.358
Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
Hạ tầng khu C	500.741.300	325.872.864
Cộng	1.078.651.598	122.504.206.520

(*) Thanh lý tài sản theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/6/2020 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 0608/HĐMB-ĐG ngày 04/9/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)
Cộng	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)

5.12 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	89.991.409.180	89.991.409.180	100.488.121.516	100.488.121.516
- Công ty CP Thép Tân Hưng	11.032.855.207	11.032.855.207	11.132.855.207	11.132.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON(Liên danh CT Dệt)	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747
- Phải trả khác	59.184.645.226	59.184.645.226	69.581.357.562	69.581.357.562
Cộng	89.991.409.180	89.991.409.180	100.488.121.516	100.488.121.516

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	14.632.610.888	5.814.526.938	5.384.695.088	15.062.442.738
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.518.569.876	4.439.753.484	3.060.683.962	11.897.639.398
- Thuế thu nhập cá nhân	1.311.413.968	714.341.677	485.910.794	1.539.844.851
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	199.035.851	-	-	199.035.851
- Các loại thuế khác	2.603.591.193	660.431.777	1.838.100.332	1.425.922.638
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	14.632.610.888	5.814.526.938	5.384.695.088	15.062.442.738

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.14 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	23.313.521.372	17.304.125.296
- Trích trước chi phí công trình	7.432.824.199	5.573.598.273
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.122.267.697	4.794.994.970
- Trích trước chi phí lãi vay	5.113.361.484	3.978.892.376
- Trích trước chi phí thuê tài sản	2.491.031.818	2.491.031.818
- Trích trước chi phí tiền lương	-	13.602.600
- Trích trước chi phí khác	3.154.036.174	452.005.259
b. Dài hạn	-	-
Cộng	23.313.521.372	17.304.125.296

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	98.965.216.633	100.049.102.383
- Kinh phí công đoàn	2.744.354.958	2.804.226.325
- Bảo hiểm xã hội	36.686.028.098	34.276.180.940
- Bảo hiểm y tế	2.415.470.498	2.731.027.523
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.617.643.145	2.947.868.778
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.501.719.934	57.289.798.817
+ Đoàn phí công đoàn	939.596.569	931.286.763
+ Phải trả các tổ đội thi công	15.712.733.598	15.788.029.902
+ Phải trả đối tượng khác	37.849.389.767	40.570.482.152
b. Dài hạn	-	-
Cộng	98.965.216.633	100.049.102.383

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm	Trong năm		Giá trị	Số đầu năm
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		411.040.668.823	411.040.668.823	62.844.143.724	135.979.369.070	484.175.894.169	484.175.894.169
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	28.994.375.993	28.994.375.993	39.633.220.204	40.574.016.739	29.935.172.528	29.935.172.528
-	Vay cá nhân	4.849.244.779	4.849.244.779	8.295.169.110	5.072.552.331	1.626.628.000	1.626.628.000
-	Ngân hàng TMCP SHB - CN Hà Nội	4.299.601.557	4.299.601.557		177.000.000	4.476.601.557	4.476.601.557
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽³⁾	372.897.446.494	372.897.446.494	14.915.754.410	90.155.800.000	448.137.492.084	448.137.492.084
	Cộng	411.040.668.823	411.040.668.823	62.844.143.724	135.979.369.070	484.175.894.169	484.175.894.169

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/399106/HĐTD ngày 28/10/2020 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/08/2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

⁽²⁾ Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2020 số tiền nợ gốc là 177.929.292.192 đồng, số tiền lãi là 194.968.154.302 đồng. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sản nâng CYNCRILIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".

- Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toóng.

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 đồng. Cùng với đó là 2.563.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	7.522.993.188	319.065.349	(374.512.999.706)	(7.289.345.899)	(308.210.287.068)
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước					(48.021.688.560)	(2.960.746.076)	(50.982.434.636)
- Tăng khác							-
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Giảm khác			(2.088.181)	(255.384)	(2.311.854.276)	2.314.197.841	-
31/12/2019	<u>51.500.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>	<u>7.520.905.007</u>	<u>318.809.965</u>	<u>(424.846.542.542)</u>	<u>(7.935.894.134)</u>	<u>(359.192.721.704)</u>
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.520.905.007	318.809.965	(424.846.542.542)	(7.935.894.134)	(359.192.721.704)
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	(144.434.756.603)	(258.862.708)	(144.693.619.311)
- Tăng khác	-	-	-	-	66.150.535	-	66.150.535
31/12/2020	<u>51.500.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>	<u>7.520.905.007</u>	<u>318.809.965</u>	<u>(569.215.148.610)</u>	<u>(8.194.756.841)</u>	<u>(503.820.190.479)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Doanh thu	99.783.442.091	126.909.379.652
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.783.442.091	126.909.379.652
Cộng	99.783.442.091	126.909.379.652

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	95.362.349.139	131.256.823.374
Cộng	95.362.349.139	131.256.823.374

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.187.597	17.430.576
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.210.274.156
Cộng	137.187.597	1.227.704.732

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	18.907.130.525	21.900.144.031
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	4.280.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	168.836.548
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.280.727	96.078.073
Cộng	18.936.411.252	26.445.058.652

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Bán phế liệu	671.267.130	1.056.303.645
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	550.000.000	250.681.818
- Các khoản khác	25.817.109	11.284.616
Cộng	1.247.084.239	1.318.270.079

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	116.260.766.532	-
- Các khoản bị phạt	3.757.038.034	2.918.135.511
- Bán vật tư	324.452.733	1.898.346.785
- Các khoản chi phí khác	178.686.708	394.190.935
Cộng	120.520.944.007	5.210.673.231

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.527.398.244	48.360.691.989
Chi phí nhân công	29.422.093.999	39.049.073.301
Khấu hao tài sản cố định	4.484.907.420	7.976.635.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.461.370.566	26.334.543.776
Chi phí bằng tiền khác	1.827.556.984	20.852.014.483
Cộng	79.723.327.213	142.572.959.231

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.150.000	5.150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(28.046)	(9.325)
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

6.9 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.915.765	1.255.078.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.752.895.516	142.428.712.336
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	149.974.811.281	143.683.791.317
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	411.040.668.823	484.175.894.169
Phải trả người bán và phải trả khác	144.493.129.114	157.777.920.333
Chi phí phải trả	23.313.521.372	17.304.125.296
Cộng	578.847.319.309	659.257.939.798
Trạng thái ròng	(428.872.508.028)	(515.574.148.481)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	411.040.668.823	-	411.040.668.823
Phải trả người bán và phải trả khác	144.493.129.114	-	144.493.129.114
Chi phí phải trả	23.313.521.372	-	23.313.521.372
Cộng	578.847.319.309	-	578.847.319.309
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	484.175.894.169	-	484.175.894.169
Phải trả người bán và phải trả khác	157.777.920.333	-	157.777.920.333
Chi phí phải trả	17.304.125.296	-	17.304.125.296
Cộng	659.257.939.798	-	659.257.939.798

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.915.765	-	1.221.915.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.752.895.516	-	148.752.895.516
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	149.974.811.281	-	149.974.811.281
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.255.078.981	-	1.255.078.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.428.712.336	-	142.428.712.336
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	143.683.791.317	-	143.683.791.317

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.10 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	884.777.149	855.743.781
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	884.777.149	855.743.781

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	14.915.754.410
		Thanh toán nợ gốc	90.155.800.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(372.897.446.494)
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập